

Bản án số: 08/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 30/3/2026
“Tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - ĐẮK LẮK**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Phi Long.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Hồng và bà Bùi Việt Nga.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đinh Ngọc Lương – Thư ký Toà án nhân dân khu vực 2 - Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông Y Rin Niê Kdăm– Kiểm sát viên.

Ngày 30/3/2026, tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 2 - Đắk Lắk mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 146/2025/TLST-HNGĐ, ngày 05 tháng 11 năm 2025 về “*Tranh chấp ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 11/02/2026; Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2026/QĐST-DS ngày 09/3/2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Đặng Xuân N, sinh năm 1989. Địa chỉ: Thôn P, xã E, tỉnh Gia Lai (có đơn xin xét xử vắng mặt).

- Bị đơn: Chị Đỗ Thị Sương S, sinh năm 1989. Địa chỉ: Thôn I, xã E, tỉnh Đắk Lắk (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn anh Đặng Xuân N trình bày: Anh Đặng Xuân N và chị Đỗ Thị Sương S kết hôn trên cơ sở tình yêu tự nguyện và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã I, huyện C, tỉnh Gia Lai vào ngày 09/4/2008. Sau khi về chung sống vợ chồng sống hạnh phúc. Tuy nhiên, đến khoảng năm 2011, vợ chồng anh Đặng Xuân N, chị Đỗ Thị Sương S phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do hai vợ chồng sống không hợp nhau, không cùng quan điểm sống, không có sự tôn trọng với nhau, nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Anh Đặng Xuân N và chị Đỗ Thị Sương S đã sống ly thân từ năm 2011. Vì vậy, anh Đặng Xuân N yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn đối với chị Đỗ Thị Sương S.

- Về con chung: Anh Đặng Xuân N và chị Đỗ Thị Sương S không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Anh Đặng Xuân N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Anh Đặng Xuân N tự nguyện chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình.

- Đối với bị đơn chị Đỗ Thị Sương S: Tòa án đã niêm yết hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án số 146/TB-TLVA, ngày 05/11/2025; Các thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải số 01/TB-TA, ngày 26/12/2025 và số 02/TB-TA, ngày 20/01/2026. Tuy nhiên, chị Đỗ Thị Sương S đều vắng mặt không có lý do nên Tòa án không tiến hành hòa giải được.

Quá trình thu thập chứng cứ để làm căn cứ giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân khu vực 2 – Đắk Lắk đã tiến hành xác minh tình trạng hôn nhân của anh Đặng Xuân N và chị Đỗ Thị Sương S. Qua xác minh, đại diện chính quyền địa phương cung cấp thông tin: Quá trình chung sống vợ chồng anh Đặng Xuân N và chị Đỗ Thị Sương S thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Hiện nay anh Đặng Xuân N và chị Đỗ Thị Sương S đã sống ly thân.

- Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

+ Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Trong quá trình giải quyết vụ án những người tham gia tố tụng đã tuân thủ đầy đủ quyền và nghĩa vụ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và nguyên đơn đã thực hiện đúng và đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Đối với bị đơn chị Đỗ Thị Sương S vắng mặt là vi phạm về quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, Điều 72 và Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 70, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, Điều 56, Điều 57 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh Đặng Xuân N.

Về quan hệ hôn nhân: Anh Đặng Xuân N được ly hôn với chị Đỗ Thị Sương S.

Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Anh Đặng Xuân N và chị Đỗ Thị Sương S không có con chung và không yêu cầu giải quyết về tài sản chung, nợ chung nên đề nghị Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

Về án phí: Anh Đặng Xuân N phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định về nội dung vụ án như sau:

[1] Về tố tụng: Tòa án nhân dân khu vực 2 - Đắk Lắk xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “*Tranh chấp ly hôn*” được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chị Đỗ Thị Sương S đăng ký hộ khẩu thường trú cư trú tại thôn I, xã E, tỉnh Đắk Lắk. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân khu vực 2 - Đắk Lắk thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân khu vực 2 - Đắk Lắk đã niêm yết hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa cho bị đơn chị Đỗ Thị Sương S. Tuy nhiên, bị đơn chị Đỗ Thị Sương S vắng mặt lần thứ hai. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân khu vực 2 - Đắk Lắk xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Đặng Xuân N và chị Đỗ Thị Sương S đăng ký kết hôn tự nguyện tại Ủy ban nhân dân xã I, huyện C, tỉnh Gia Lai vào ngày 09/4/2008 (nay là xã I, tỉnh Gia Lai). Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa anh Đặng Xuân N và chị Đỗ Thị Sương S là hợp pháp.

Quá trình chung sống anh Đặng Xuân N và chị Đỗ Thị Sương S phát sinh nhiều mâu thuẫn và bất đồng quan điểm. Hiện nay anh Đặng Xuân N và chị Đỗ Thị Sương S đã sống ly thân và không quan tâm, chăm sóc gì nhau. Căn cứ kết quả xác minh tại chính quyền địa phương cũng như ý kiến trình bày của đương sự có đủ cơ sở để xác định tình trạng hôn nhân giữa anh Đặng Xuân N và chị Đỗ Thị Sương S mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung của vợ chồng không thể kéo dài. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, anh Đặng Xuân N được ly hôn với chị Đỗ Thị Sương S.

[2.2] Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Anh Đặng Xuân N và chị Đỗ Thị Sương S không có con chung và không yêu cầu giải quyết về tài sản chung, nợ chung nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[2.3] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Nguyên đơn anh Đặng Xuân N phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[3] Xét quan điểm và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Đắk Lắk tại phiên tòa là có căn cứ và đúng pháp luật nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 70, khoản 4 Điều 147, Điều 203, điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, Điều 56, Điều 57 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Đặng Xuân N.

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Đặng Xuân N được ly hôn với chị Đỗ Thị

Sương S.

2. Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Anh Đặng Xuân N và chị Đỗ Thị Sương S không có con chung và không yêu cầu giải quyết về tài sản chung, nợ chung nên không đề cập giải quyết.

3. Về án phí: Anh Đặng Xuân N phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0000137 ngày 14 tháng 7 năm 2025 của Thị hành án dân sự tỉnh Gia Lai và theo Quyết định chuyển hồ sơ vụ án dân sự số 04/2025/QĐST-HNGĐ ngày 30/9/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 11 - Gia Lai.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn anh Đặng Xuân N và bị đơn chị Đỗ Thị Sương S vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn luật định 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận :

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND khu vực 2 – Đắk Lắk;
- Phòng THADS khu vực 2 – Đắk Lắk;
- UBND xã Ia Le, tỉnh Gia Lai;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

(Đã ký)

Nguyễn Phi Long

